

Số: 98/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 5 - 2025.

“Về tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm;

2. Ông Ngô Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 689/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2024 về: *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 212/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Â, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Số F, tổ B, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Yến V, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Số C, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, có mặt ông Â, vắng mặt bà V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 06/9/2024 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn Â trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà V được hình thành là thông qua mai mối, được gia đình hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2002, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18 ngày 02/4/2008. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bà V không quan tâm gia đình, quan hệ quen biết với người khác, bỏ bê chồng con, nên vợ chồng xảy ra gây cãi và ly thân nhau từ tháng 02/2024 đến nay. Trong thời ly thân gia đình hàn gắn nhưng không thành. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông xin ly hôn với bà V.

Về quan hệ con chung: Ông với bà V có 03 con chung tên: 1/ Phạm Thị T, sinh ngày: 16/11/2003; 2/ Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày: 04/3/2006 và 3/ Phạm Thành N1, sinh ngày: 15/4/2014. Hiện hai con T, N đã trưởng thành và sống tự lập, nên ông không yêu cầu. Riêng cháu N1 do bà V nuôi dưỡng, khi ly hôn ông đồng ý giao con cho bà V tiếp tục nuôi, ông xin không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông với bà V tự thỏa thuận.

Về quan hệ nợ chung: Ông với bà V không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Yến V để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng bà vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, ông Á bảo lưu ý kiến của mình.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông Á – bà V chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, theo đó ông Á cho rằng bà V không quan tâm gia đình, quen biết với người khác, bỏ bê chồng, xảy ra gây cãi và ly thân hơn 01 năm nay...nên ông Á xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung: Cháu Phạm Thành N1 trên 07 tuổi và có ý nguyện sống với mẹ, đề nghị HĐXX công nhận. Riêng Phạm Thị T, Phạm Thị Ngọc N đã trưởng thành và tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Ông Á khởi kiện ly hôn với bà V là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà V có địa chỉ cư trú tại huyện C, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Bà V được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt bà V, theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Á – bà V kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2002, hôn nhân có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18 ngày 02/4/2008, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông Á bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do bà V không quan tâm gia đình, quen biết với người khác rồi xảy ra gây cãi và ly thân nhau từ hơn 01 năm nay, gia đình có hàn gắn nhưng không thành, hiện tình cảm vợ chồng không còn.

Qua trình bày của ông Á, mặc dù bà V đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng về yêu cầu xin ly hôn của ông Á, nhưng bà không có ý kiến phản đối, chứng tỏ trình bày của ông Á là có căn cứ, mâu thuẫn không chỉ trong phạm vi vợ chồng mà ảnh hưởng đến uy tín gia đình, nên khả năng đoàn tụ lại không thể, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông Á.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy, Phạm Thị T, Phạm Thị Ngọc N đã trưởng thành và sống tự lập, ông Á không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Riêng cháu Phạm Thành N1 từ khi cha mẹ ly thân đến nay cháu N1 do bà V, hiện được bà V cho cháu đi học, ý nguyện của cháu tiếp tục chung với mẹ, để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu, cũng như tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt về sau, HĐXX chấp nhận giao cháu N1 cho bà V tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

Thông qua bản án HĐXX cũng giải thích cho bà V biết: Trong thời gian nuôi con, bà V cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông Á trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà V không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[4]. *Về quan hệ tài sản chung*: Ông Á không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

[5]. *Về quan hệ nợ chung*: Ông Á khai ông với bà V không có nợ chung. Tuy nhiên do bà V vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định. Nếu sau này bà V có chứng cứ khác chứng minh có nợ chung và bà V có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6]. *Về án phí*: Ông Phạm Văn Á là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn Á.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn Á được ly hôn với bà Nguyễn Thị Yến V.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Yến V được tiếp tục nuôi cháu Phạm Thành N1, sinh ngày 15/4/2014.

Ông Á không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà V cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông Á trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Đối với Phạm Thị T, sinh ngày 16/11/2002 và Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 04/3/2006 đã trưởng thành và sống tự lập. Ông Á không yêu cầu.

Về án phí: Ông Phạm Văn Á phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023509 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (ông Á nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/5/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện Chợ Mới;
- THADS Chợ Mới để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- [vp.](#)

Lê Văn Huệ